

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2024
“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh.

Ông Nguyễn Thái Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:* Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 2206/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 431/2023/QĐXX-ST ngày 06/12/2023, Thông báo dời ngày xét xử số 295/2023/TB-TA ngày 25/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 90/2024/TB-TA ngày 15/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1990.

HKTT: Tổ dân phố ĐT, thị trấn PĐ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tạm trú: khu phố H, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Ấp HT, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Phan Hùng K, sinh năm 1991.

HKTT: Tổ dân phố ĐT, thị trấn PĐ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tạm trú: đường H, tổ 17, khu phố H, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Bà và ông Phan Hùng K kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã H, huyện H1, tỉnh Quảng Trị, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình chung sống, ông K có người phụ nữ khác và từ đó thường đánh đập bà. Hiện bà T và ông K đã sống ly thân từ tháng 7/2023. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Văn T1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Phan Thị Cẩm N, sinh ngày 09/9/2019. Khi ly hôn bà T đề nghị giao hai con chung cho ông K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, bị đơn ông Phan Hùng K trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thu T kết hôn vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã H, huyện H1, tỉnh Quảng Trị, hôn nhân tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Những hình ảnh thương tật do bà T cung cấp không phải do ông K gây ra. Những hình ảnh tin nhắn do bà T cung cấp không phải của ông, ông không có người phụ nữ khác như bà T trình bày. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý do ông muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Văn T1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Phan Thị Cẩm N, sinh ngày 09/9/2019. Nếu ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tạm thời không yêu cầu

bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thu T. Bà T được ly hôn với ông Phan Hùng K.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Văn T1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Phan Thị Cẩm N, sinh ngày 09/9/2019 cho ông Phan Hùng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Lê Thị Thu T không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thu T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Phan Hùng K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Phan Hùng K tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà T, ông K là hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T xin ly hôn với ông K với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã; ông K có người phụ nữ khác và từ đó thường xuyên đánh đập bà.

Xét thấy, Tòa án đã xác minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Lê Thị Thu T và ông Phan Hùng K khi ông bà sống chung tại phường L, thành phố B. Đại diện chính quyền địa phương cho biết bà T, ông K chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không biết do các đương sự không báo chính quyền địa phương. Quá trình hòa giải, ông K không đồng ý ly hôn, ông không đồng ý với lời khai của bà T về việc ông có người phụ nữ khác và có hành vi đánh đập bà. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa ông K, bà T nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn, cho thấy bà T không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Bà T và ông K đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2023 đến nay.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà T và ông K là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ cả hai bên cùng vun đắp, khi một bên đã không còn tình cảm thì có níu giữ cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Thu T được ly hôn ông Phan Hùng K.

[4] Về con chung: Bà T, ông K có 02 con chung là cháu Phan Văn T1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Phan Thị Cẩm N, sinh ngày 09/9/2019. Ly hôn, bà T đề nghị giao hai con chung cho ông K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời bà T không cấp dưỡng nuôi con. Ông K cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Phan Văn T1 và cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông K.

Nhận thấy, yêu cầu của bà T, ông K phù hợp. Do đó, yêu cầu của bà T về việc giao con chung cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà T không cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà T, ông K khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T, ông K khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp

với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 9, 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu T. Bà Lê Thị Thu T được ly hôn với ông Phan Hùng K.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Văn T1, sinh ngày 30/12/2014 và cháu Phan Thị Cẩm N, sinh ngày 09/9/2019 cho ông Phan Hùng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Lê Thị Thu T không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên bà T được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 09120 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND xã H, huyện H1, tỉnh Quảng Trị (1);
- Đương sự (4);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy